



BỘ SƯU TẬP
CON ĐƯỜNG GỐM SỨ

NEW PRODUCT
2025 - 2026

ITALIAN DESIGN





Ruy-băng xanh từ lâu được xem là biểu tượng của chuẩn mực cao nhất – dấu ấn dành cho những sản phẩm đạt tới chất lượng và độ hoàn thiện vượt trội.

TASA Blue Ribbon là nhãn sản phẩm cao cấp của TASA Group - được cam kết hình thành từ quá trình nghiên cứu thiết kế tỉ mỉ, sự chăm chút trong từng chi tiết bề mặt và những tiêu chuẩn sản xuất được kiểm soát nghiêm ngặt.

TASA Blue Ribbon đại diện cho giá trị “Kiến tạo an nhiên” cốt lõi của TASA Group, góp phần tạo nên những không gian sống tinh tế, bền vững và giàu cảm hứng theo thời gian.

The Blue Ribbon has long been recognized as a symbol of the highest distinction – a mark reserved for creations that embody exceptional quality and refined craftsmanship.

TASA Blue Ribbon represents the premium product line of TASA Group, born from meticulous design research, crafted with meticulous attention to every surface detail, and produced under rigorously controlled manufacturing standards.

Reflecting the core philosophy of “Creating Serenity” at TASA Group, TASA Blue Ribbon contributes to the creation of refined, enduring living spaces – spaces that inspire, elevate everyday life, and remain timeless through the years.

GIỚI THIỆU | INTRODUCTION

Tiếp nối tinh thần của bộ sưu tập "Con đường gốm sứ", chúng tôi bổ sung những chất liệu mang tính xu hướng và chiều sâu thẩm mỹ - nơi công nghệ hiện đại gặp gỡ cảm hứng tự nhiên. Những thiết kế marble, stone và vân gỗ xương cá được bổ sung như những vật liệu mang chiều sâu tự nhiên và cá tính thẩm mỹ riêng. Một số mẫu decor mới như điểm nhất tinh tế, hoàn thiện tổng thể hài hòa và giàu cảm xúc.

Kích thước 120x120cm và 90x180cm mới bổ sung như một bước chuyển mình về tỷ lệ - mở rộng cảm nhận không gian liền mạch, hiện đại và đầy tính kiến trúc. Đồng thời, các bề mặt mới Matt Crystal - Carving và Matt Stone - Vein tái hiện chân thực cấu trúc đá tự nhiên, mang đến trải nghiệm chạm tinh tế và hiệu ứng thị giác sống động.

Continuing the spirit of the "Ceramic Road" collection, we introduce new materials that reflect both contemporary trends and refined aesthetics—where modern technology meets natural inspiration. Marble, stone, and herringbone wood patterns are added as design elements that bring natural depth and distinct visual character. New decorative pieces serve as subtle accents, completing a harmonious and emotionally rich overall composition.

The newly introduced sizes, 120×120 cm and 90×180 cm, mark a shift in spatial proportion—expanding the sense of continuity and creating seamless, modern, and architecturally expressive spaces. At the same time, new surface finishes such as Matt Crystal - Carving and Matt Stone - Vein authentically recreate the textures of natural stone, offering a refined tactile experience and vivid visual effects.



MARBLE & STONE

10 - 44	TRAVERTINE
48	TERRAZZO LUX
52	STONE GREY
56	MONTBLANC
60	CALACATTA PAONAZZO
64	CALACATTA STATUARIO
68	CALACATTA MACCHIA VECCHIA
72	CALACATTA VIOLA
76	SILVER ROOT
80	ALASKA WHITE
84	CECERI STONE
88	AUTUMN SEASON
92	ONICE STELLANTIS
96	CALACATTA BLACK
100	BELVEDERE
104	TERRAZZO
108	PATAGONIA

WOOD

114	WOOD
118 - 138	HERRINGBONE WOOD

DECOR

144 - 158	DECOR
-----------	-------



TRAVERTINE

MÃ	BỀ MẶT	KÍCH THƯỚC	SỐ FACE
1476	Matt Crystal - Carving	600x1200mm	20 faces
1151	Matt Crystal - Carving	1200x1200mm	10 faces
9761	Matt Crystal - Carving	900x1800mm	6 faces



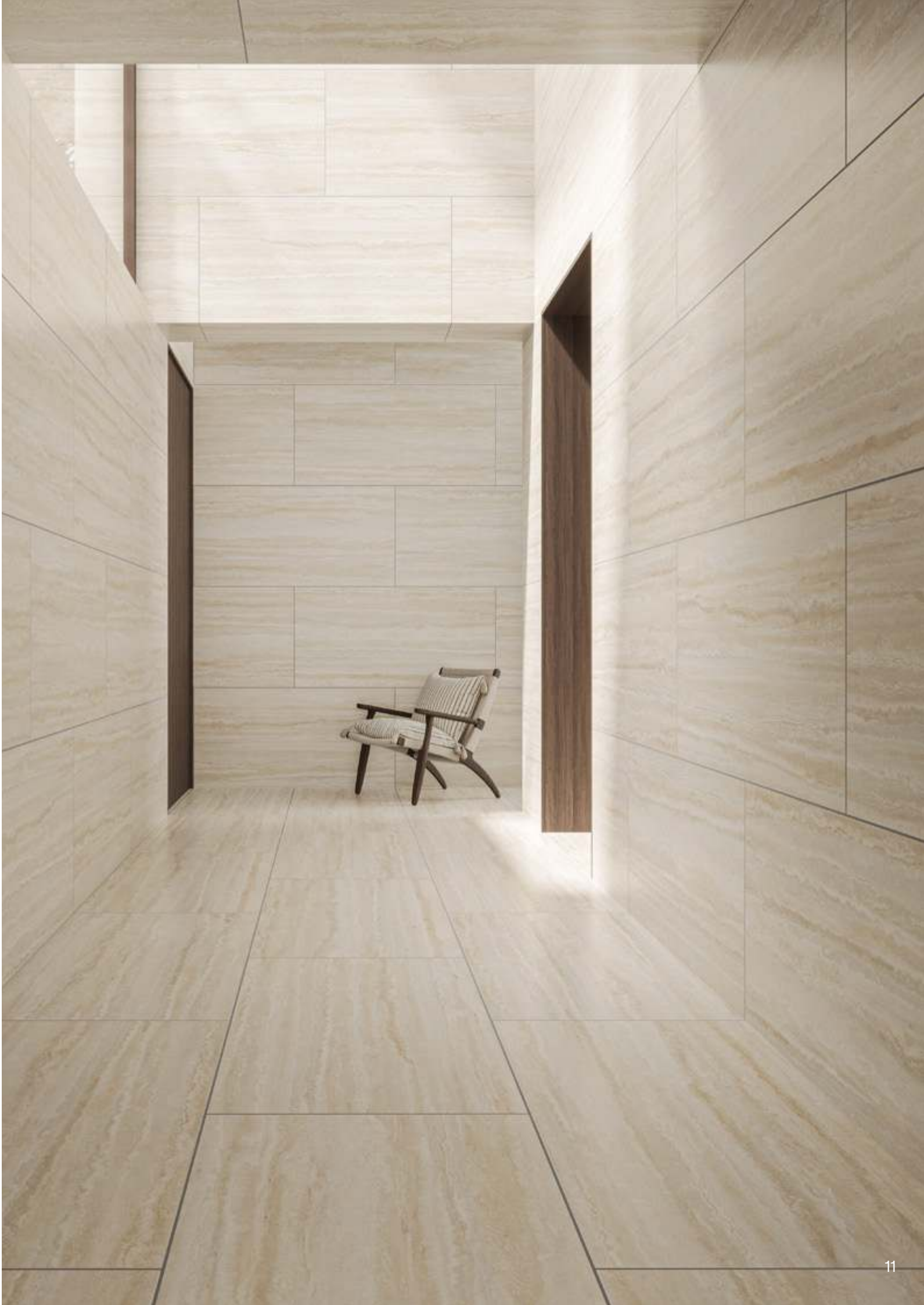
600x1200mm



1200x1200mm



900x1800mm



TRAVERTINE

MÃ	BỀ MẶT	KÍCH THƯỚC	SỐ FACE
1477	Matt Crystal - Carving	600x1200mm	20 faces
1152	Matt Crystal - Carving	1200x1200mm	10 faces
9762	Matt Crystal - Carving	900x1800mm	6 faces



600x1200mm



1200x1200mm



900x1800mm



TRAVERTINE

MÃ	BỀ MẶT	KÍCH THƯỚC	SỐ FACE
1478	Matt Crystal - Carving	600x1200mm	20 faces
1153	Matt Crystal - Carving	1200x1200mm	10 faces
9763	Matt Crystal - Carving	900x1800mm	6 faces



600x1200mm



1200x1200mm



900x1800mm



TRAVERTINE

MÃ	BỀ MẶT	KÍCH THƯỚC	SỐ FACE
1479	Matt Crystal - Carving	600x1200mm	20 faces
1154	Matt Crystal - Carving	1200x1200mm	10 faces



600x1200mm



1200x1200mm



TRAVERTINE

MÃ	BỀ MẶT	KÍCH THƯỚC	SỐ FACE
1480	Matt Crystal - Carving	600x1200mm	20 faces
1155	Matt Crystal - Carving	1200x1200mm	10 faces



600x1200mm

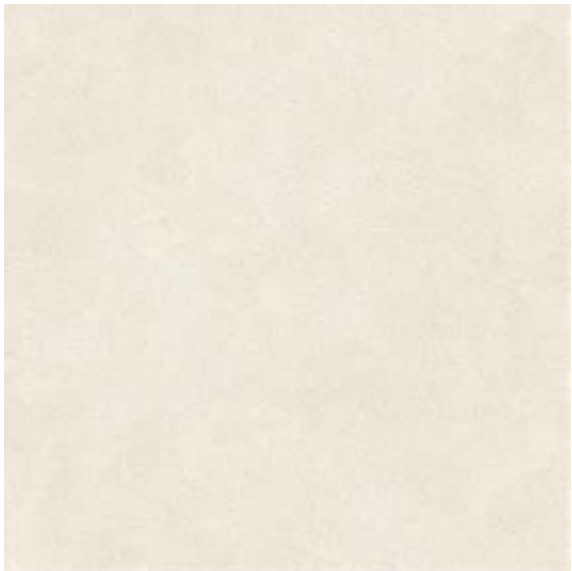


1200x1200mm



TRAVERTINE (CROSS CUT)

MÃ	BỀ MẶT	KÍCH THƯỚC	SỐ FACE
1156	Matt Crystal - Carving	1200x1200mm	10 faces
9764	Matt Crystal - Carving	900x1800mm	6 faces



1200x1200mm



900x1800mm



TRAVERTINE

MÃ	BỀ MẶT	KÍCH THƯỚC	SỐ FACE
1181	Matt Stone - Vein	1200x1200mm	10 faces



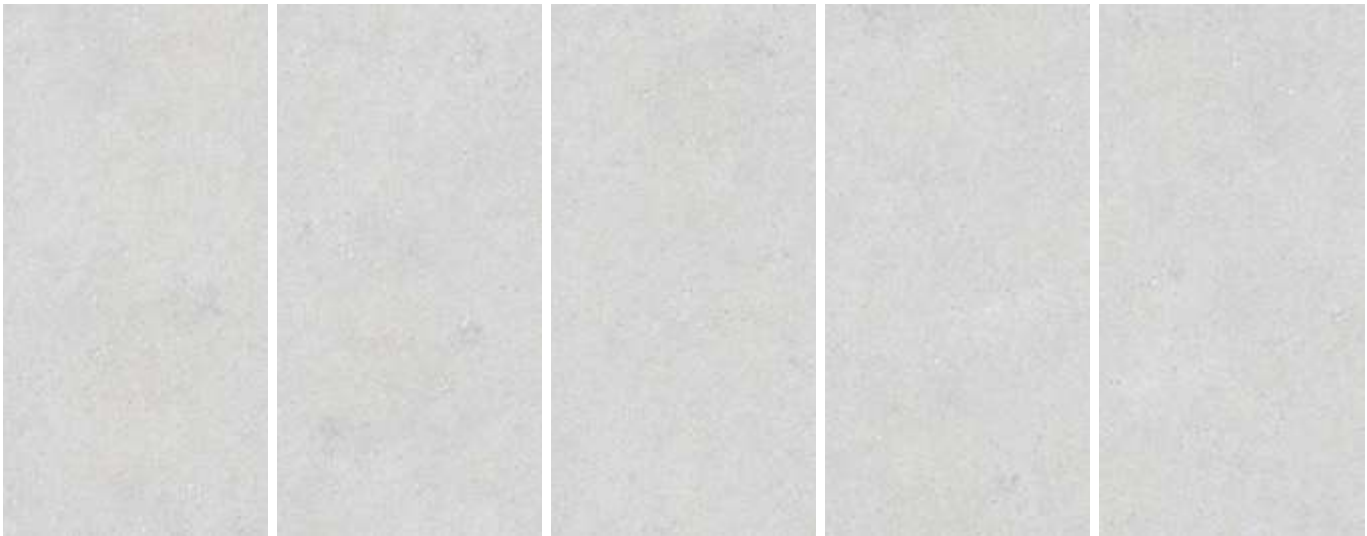
TRAVERTINE

MÃ	BỀ MẶT	KÍCH THƯỚC	SỐ FACE
1182	Matt Stone - Vein	1200x1200mm	10 faces



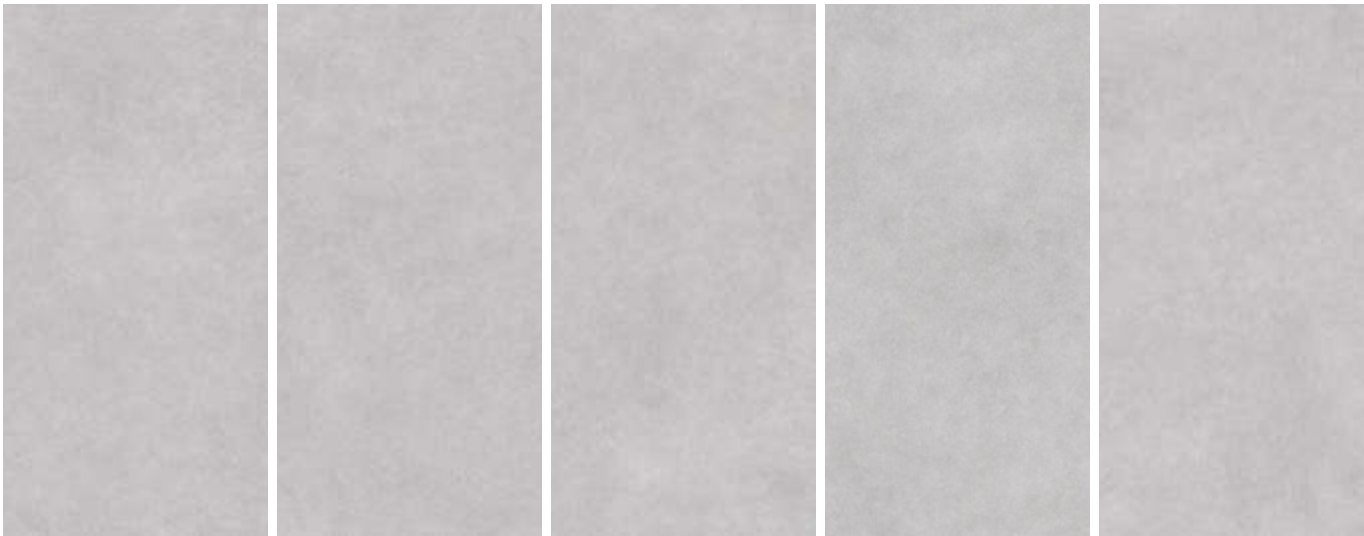
TERRAZZO LUX

MÃ	BỀ MẶT	KÍCH THƯỚC	SỐ FACE
9765	Matt Crystal - Carving	900x1800mm	6 faces



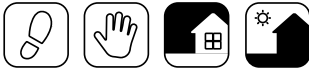
STONE GREY

MÃ	BỀ MẶT	KÍCH THƯỚC	SỐ FACE
9766	Matt Crystal - Carving	900x1800mm	6 faces



MONTBLANC

MÃ	BỀ MẶT	KÍCH THƯỚC	SỐ FACE
9711	Glossy	900x1800mm	10 faces



CALACATTA PAONAZZO

MÃ	BỀ MẶT	KÍCH THƯỚC	SỐ FACE
9712	Glossy	900x1800mm	10 faces



CALACATTA STATUARIO

MÃ	BỀ MẶT	KÍCH THƯỚC	SỐ FACE
9713	Glossy	900x1800mm	4 faces



CALACATTA MACCHIA VECCHIA

MÃ	BỀ MẶT	KÍCH THƯỚC	SỐ FACE
9714	Glossy	900x1800mm	4 faces



CALACATTA VIOLA

MÃ	BỀ MẶT	KÍCH THƯỚC	SỐ FACE
9715	Glossy	900x1800mm	4 faces



SILVER ROOT

MÃ	BỀ MẶT	KÍCH THƯỚC	SỐ FACE
9716	Glossy	900x1800mm	4 faces



ALASKA WHITE

MÃ	BỀ MẶT	KÍCH THƯỚC	SỐ FACE
9717	Glossy	900x1800mm	4 faces



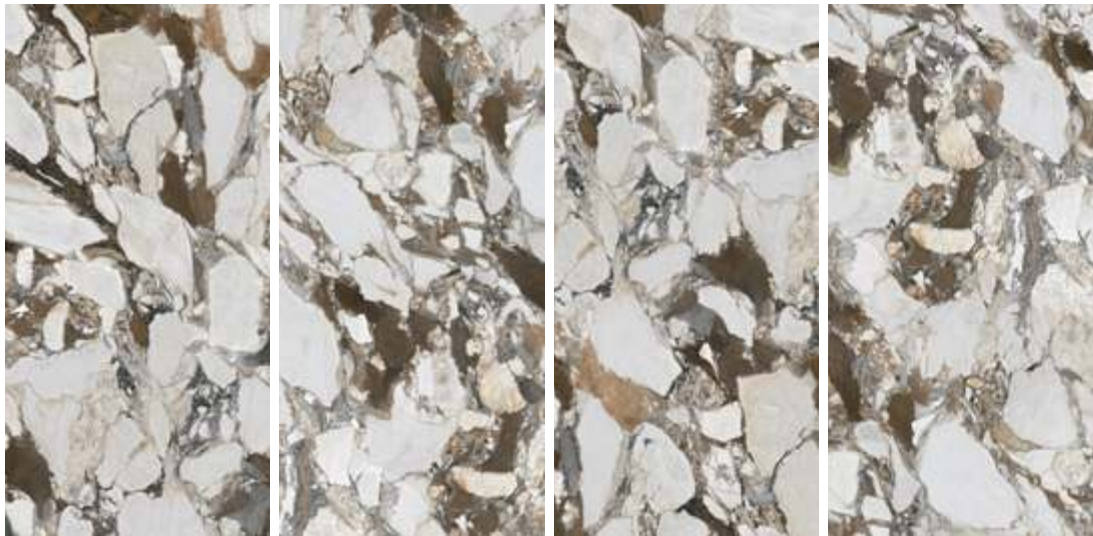
CECERI STONE

MÃ	BỀ MẶT	KÍCH THƯỚC	SỐ FACE
9718	Glossy	900x1800mm	4 faces



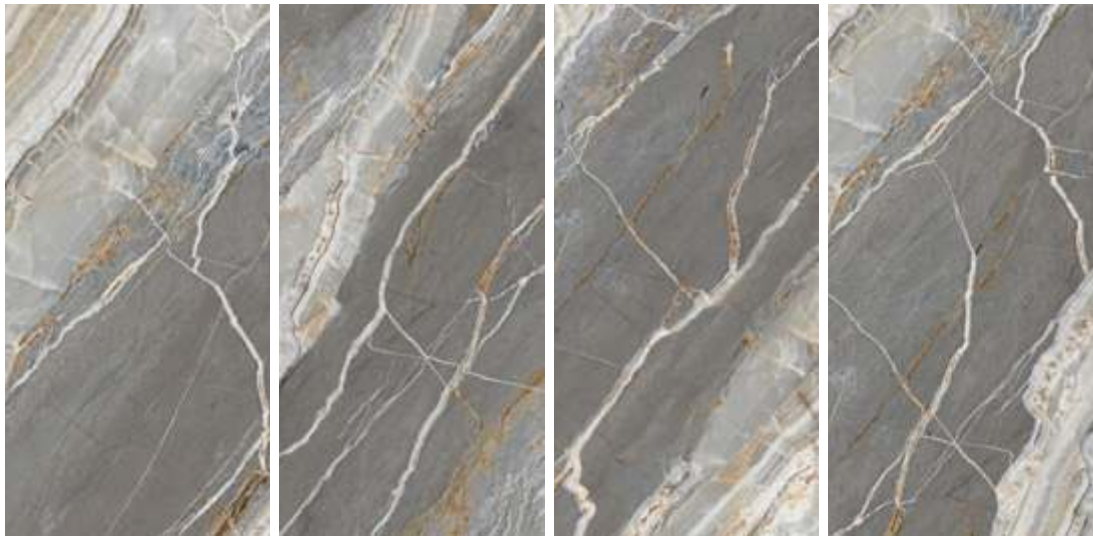
AUTUMN SEASON

MÃ	BỀ MẶT	KÍCH THƯỚC	SỐ FACE
9719	Glossy	900x1800mm	4 faces



ONICE STELLANTIS

MÃ	BỀ MẶT	KÍCH THƯỚC	SỐ FACE
9720	Glossy	900x1800mm	4 faces



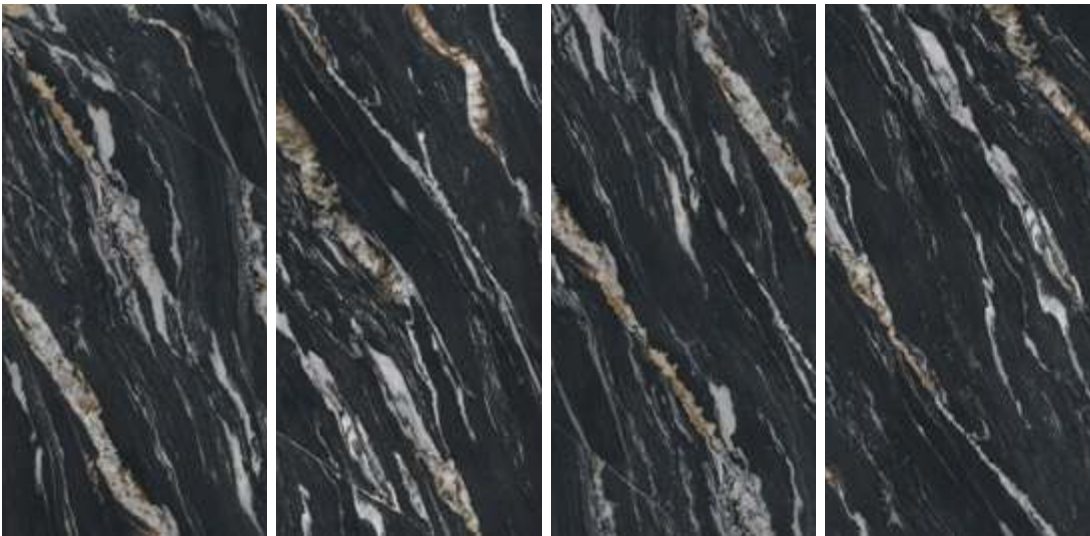
CALACATTA BLACK

MÃ	BỀ MẶT	KÍCH THƯỚC	SỐ FACE
9721	Glossy	900x1800mm	4 faces



BELVEDERE

MÃ	BỀ MẶT	KÍCH THƯỚC	SỐ FACE
9722	Glossy	900x1800mm	4 faces



TERRAZZO

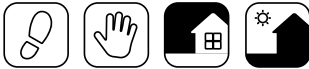
BỀ MẶT	KÍCH THƯỚC	SỐ FACE
Matt Stone - Vein	900x1800mm	6 faces



9781



9782



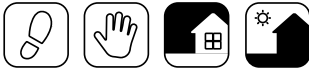
PATAGONIA

MÃ	BỀ MẶT	KÍCH THƯỚC	SỐ FACE
9784	Matt Stone - Vein	900x1800mm	4 faces



WOOD

MÃ	BỀ MẶT	KÍCH THƯỚC	SỐ FACE
9767	Matt Crystal - Carving	900x1800mm	6 faces



HERRINGBONE WOOD

MÃ	BỀ MẶT	KÍCH THƯỚC	SỐ FACE
S61232	Matt	600x1200mm	2 faces



HERRINGBONE WOOD

MÃ	BỀ MẶT	KÍCH THƯỚC	SỐ FACE
S61234	Matt	600x1200mm	2 faces



HERRINGBONE WOOD

MÃ	BỀ MẶT	KÍCH THƯỚC	SỐ FACE
S61238	Matt	600x1200mm	2 faces



HERRINGBONE WOOD

MÃ	BỀ MẶT	KÍCH THƯỚC	SỐ FACE
S61240	Matt	600x1200mm	4 faces



HERRINGBONE WOOD

MÃ	BỀ MẶT	KÍCH THƯỚC	SỐ FACE
S61241	Matt	600x1200mm	4 faces



HERRINGBONE WOOD

MÃ	BỀ MẶT	KÍCH THƯỚC	SỐ FACE
S61242	Matt	600x1200mm	4 faces



DECOR

MÃ	BỀ MẶT	KÍCH THƯỚC	SỐ FACE
9783	Matt Stone - Vein	900x1800mm	1 face



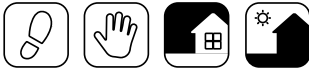
DECOR

MÃ	BỀ MẶT	KÍCH THƯỚC	SỐ FACE
9785	Matt Metallic	900x1800mm	1 face



DECOR

MÃ	BỀ MẶT	KÍCH THƯỚC	SỐ FACE
9786	Matt Metallic	900x1800mm	1 face



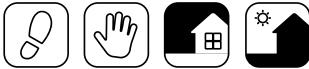
DECOR

MÃ	BỀ MẶT	KÍCH THƯỚC	SỐ FACE
9787	Matt Metallic	900x1800mm	1 face



DECOR

MÃ	BỀ MẶT	KÍCH THƯỚC	SỐ FACE
9788	Matt Metallic	900x1800mm	1 face



DECOR

MÃ	BỀ MẶT	KÍCH THƯỚC	SỐ FACE
9788	Matt Metallic	900x1800mm	1 face



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

TECHNICAL SPECIFICATIONS

STT	TÊN CHỈ TIÊU		ĐƠN VỊ	TIÊU CHUẨN TCVN 13113:2020 ISO 13006:2018 BS EN 14411:2016	TIÊU CHUẨN TASA
1	Độ hút nước (<i>Water Absorption</i>)		%	$E_b \leq 0,5\%$	$E_b \leq 0,5\%$
2	Độ hút nước mẫu đơn lớn nhất (<i>Individual maximum</i>)		%	$E_b \leq 0,6\%$	$E_b \leq 0,6\%$
3	Độ bền uốn (<i>Modulus of rupture</i>)		N / mm ²	≥ 35	≥ 35
4	Độ bền uốn mẫu đơn nhỏ nhất (<i>Individual minimum</i>)		N / mm ²	≥ 32	≥ 32
5	Lực uốn gãy (<i>Breaking strength</i>)		N	≥ 1300	≥ 1500
6	Độ cứng bề mặt - Mohs (<i>Scratch hardness of surface</i>)	Glossy - Vi tinh	Cấp	Tối thiểu cấp 5	5 - 5,5
		Matt Crystal			7 - 8
		Matt Silk			6 - 7
		Matt Crystal - Carving			> 7,5
		Matt Stone - Vein			5,5 - 7,5
		Matt Metallic			6 - 7
7	Độ chịu mài mòn bề mặt (<i>Resistance to surface abrasion</i>)	Glossy - Vi tinh	Vòng - Cấp	Do nhà sản xuất chỉ ra	≥ 600 - II
		Matt Crystal			≥ 750 - II
		Matt Silk			≥ 750 - III
		Matt Crystal - Carving			≥ 1200 - III
		Matt Stone - Vein			≥ 1200 - III
		Matt Metallic			≥ 1200 - III
8	Độ bền chống bám bẩn (<i>Resistance to staining</i>)		Cấp	Tối thiểu cấp 3	Tối thiểu cấp 3
9	Hệ số giãn nở nhiệt dài từ nhiệt độ môi trường đến 100°C (<i>Coefficient of linear thermal expansion from ambient temperature to 100°C</i>)		10 ⁻⁶ / °C	≤ 9	≤ 9
10	Hệ số giãn nở ẩm (<i>Moisture expansion</i>)		Mm/m	$\leq 0,6$ (recommended by ISO 13006:2018) annexP	$\leq 0,6$
11	Độ bền rạn men (<i>Crazing resistance</i>)		-	Không rạn	Không rạn
12	Độ bền băng giá (<i>Frost resistance</i>)		Chu kỳ	≥ 100 Không nứt	≥ 100 Không nứt
13	Độ bền hóa chất (<i>Resistance to chemicals</i>)				
13.1	Hóa phẩm dân dụng và Muối hồ bơi (<i>Household chemicals and Swimming pool salts</i>)		Loại	Không thấp hơn loại GB	Không thấp hơn loại GB
13.2	Axit và kiềm nồng độ thấp (<i>Low concentration of acids and alkalis</i>)		Loại	Không quy định	Không thấp hơn loại GLB
13.3	Axit và kiềm nồng độ cao (<i>High concentration of acids and alkalis</i>)		Loại	Không quy định	Không thấp hơn loại GHB
14	Khả năng chống trượt, phương pháp sàn nghiêng (<i>Slip resistance tests international methods</i>)	Glossy - Vi tinh	-	Do nhà sản xuất chỉ ra	R9
		Matt Crystal	-		R9
		Matt Silk	-		R9
		Matt Crystal - Carving	-		R10
		Matt Stone - Vein	-		R9 - R10
		Matt Metallic	-		R10
15	Sự khác biệt nhỏ về màu (<i>Small colour differences</i>)		-	-	-
16	Độ bền va đập bằng cách đo hệ số phản hồi (<i>Impact resistance by measurement of coefficient of restitution</i>)		-	-	-
17	Độ thôi chì và cadimi (<i>Lead and Cadmium release</i>)		Mg/dm ²	-	KPH



Gạch lát
(*Floor Tiles*)



Gạch ốp
(*Wall Tiles*)



Nội thất
(*Indoor*)



Ngoại thất
(*Outdoor*)





CÔNG TY CỔ PHẦN TASA GROUP

Lô B2 - B3, KCN Thụy Vân, Phường Nông Trang,
tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

Tel: (+84) 0210 3979 888

tasaceramic.vn

info@tasaceramic.vn